

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-ST

Ngày: 28 - 7 - 2020

“Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc H, sinh năm 1977 (có mặt)
Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Chị Trần Thanh V, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
2. Anh Trần Tứ H, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Ngọc H trình bày:

Vào ngày 19/6/2019 vợ chồng bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 240 ngày, lãi suất do hai tự thỏa thuận. Đến ngày 06/7/2019 ông Trần Tứ H có mượn số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 16/10/2019 mượn tới số tiền 30.000.000 đồng. Trong quá

trình vay hai bên có kết toán vốn lãi, hiện nay ông H và bà V còn nợ tổng cộng số tiền là 205.300.000 đồng.

Bà H có nhiều lần trực tiếp đến gặp vợ chồng bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H để yêu cầu trả dứt điểm số tiền nợ trên nhưng bà V, ông H cứ hẹn lần, hẹn lựa nhưng không trả tiền.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H trả cho tôi số tiền 205.300.000 đồng (Hai trăm lẽ năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Đối với bị đơn bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 216/TB-TLVA ngày 17/3/2020 nhưng bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H đều không có ý kiến bằng văn gửi Tòa án nH dân huyện C, cũng không có đơn yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H. Tuy nhiên, bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H là phù hợp.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thị V với bị đơn là bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xêùt noãi dung vụ án: Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H trả cho bà số tiền 205.300.000 đồng đã vay ngày 19/6/2019. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

đây là tình tiết không phải chứng minh. Do bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà V khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H đã cung cấp giấy biên nhận nợ mà bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H đã ký nhận. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 205.300.000 đồng (Hai trăm lĩ năm triệu ba trăm nghìn đồng).

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn bà H không yêu cầu tính lãi suất đối với bà V, ông H nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H.

1. Buộc bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H trả cho bà Trần Ngọc H số tiền nợ gốc 205.300.000 đồng (Hai trăm lĩ năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người pH thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn pH chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thanh V và ông Trần Tứ H phải chịu 10.265.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Ngọc H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà

H số tiền 5.132.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai số 0005229 ngày 17/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà V, ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Vận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính